TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ
2. Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Bà Lai Thị Ngọc Mãi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại các điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K) và điểm cầu thành phần tại khu phố Th, phường M, thành phố H, tỉnh K; vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Bé T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp H, xã H2, huyện G, tỉnh K. Có mặt tại điểm cầu thành phần tại khu phố Th, phường M, thành phố H, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Út H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Bé T trình bày:***

Chị và chồng chị là anh Nguyễn Út H tự tìm hiểu nhau và được cha mẹ hai bên chấp nhận và tổ chức đám cưới năm 2012. Đã có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh K.

Quá trình hôn nhân giữa chị và anh H thời gian đầu chung sống với nhau cũng có hạnh phúc. Nhưng dần về sau thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu Tẫn, dẫn đến cải vã liên tục, kể cả những việc rất nhỏ trong sinh hoạt gia đình hằng ngày.

Nguyên nhân giữa chị và anh H không còn phù hợp tánh ý, bất đồng với nhau về quan điểm sống, sinh hoạt và trong công việc làm ăn, tiền bạc.

Mặc dù trong thời gian này chị và anh H cũng rất nhiều lần tự cho nhau cơ hội, tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm của nhau, kể cả cha mẹ hai bên đứng ra khuyên bảo, dằn xếp, để vợ chồng níu kéo lại tình cảm và lo xây dựng hạnh phúc tương lai về sau. Nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả, mà ngược lại giữa chị và anh H ngày càng xảy ra cải vã nhiều hơn trước. Cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn không còn có hạnh phúc và cũng không thể kéo dài. Nên vào năm 2019 chị và anh H đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy việc hôn nhân giữa chị và anh H đến nay đã không còn có thể hàn gắn lại để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau về sau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2013. Hiện đang sinh sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H; Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Út H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị Bé T, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Út H. Về con chung: Tiếp tục giao con

chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2013 cho chị Thị Bé T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị T không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, anh H không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Út H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H trong vụ án này.

Chị T có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Thị Bé T và anh Nguyễn Út H là hợp pháp, được UBND xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 107/2014 cấp ngày 24/9/2014. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn.

Theo chị T nguyên nhân là chị và anh H không còn phù hợp tánh ý, bất đồng với nhau về quan điểm sống, sinh hoạt và trong công việc làm ăn, tiền bạc. Mặc dù trong thời gian này chị và anh H cũng rất nhiều lần tự cho nhau cơ hội, tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm của nhau, kể cả cha mẹ hai bên đứng ra khuyên bảo, dằn xếp, để vợ chồng níu kéo lại tình cảm và lo xây dựng hạnh phúc tương lai về sau. Nhưng suốt thời gian dài vẫn không có kết quả, mà ngược lại giữa chị và anh H ngày càng xảy ra cải vã nhiều hơn trước. Cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn không còn có hạnh phúc và cũng không thể kéo dài. Nên vào năm 2019 chị và anh H đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy việc hôn nhân giữa chị và anh H đến nay đã không còn có thể hàn gắn lại để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau về sau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Anh H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu Tẫn mà phía chị T đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh H bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Như vậy, anh H mặc nhiên thừa nhận nguyên nhân chị T đưa ra là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh H là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2013. Hiện đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh H ly thân đến nay do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Đồng thời, con chung cũng có ý kiến muốn được sống với chị T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Út H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 02/11/2013 cho chị Thị Bé T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Anh Nguyễn Út H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thị Bé T không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai T số 0005443 ngày 17/6/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Út H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU